

Số: 1042 /BHXH-GĐBHYT

Kiên Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2024

V/v cập nhật danh mục thuốc trúng
thầu 1630 trên Hệ thống thông tin
giám định bảo hiểm y tế

Số: 077
Ngày: 2/7
Số:
Số:

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Kiên Giang.

Ngày 01/7/2024, Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh nhận được Quyết định số 1630/QĐ-SYT ngày 27/6/2024 của Sở Y tế Kiên Giang phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc tập trung tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2023-2025 (đợt 3) Gói số 2: Gói thầu thuốc Generic thông thường, với tổng cộng 1.620 mặt hàng thuốc.

Hiện nay, danh mục thuốc trúng thầu được cập nhật trên Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (BHYT) được quy định theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2023 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành quy trình giám định BHYT.

Tuy nhiên, với thông tin nhận được từ Sở Y tế về Quyết định trúng thầu nêu trên, bao gồm: Quyết định số 1630/QĐ-SYT; Phụ lục 1 “Danh sách nhà thầu trúng thầu”; Phụ lục 2 “Danh mục thuốc trúng thầu theo nhà thầu” (tất cả là bản giấy).

Do đó, BHXH tỉnh chưa đủ thông tin và dữ liệu để cập nhật danh mục thuốc trúng thầu trên Hệ thống thông tin giám định BHYT.

Để việc cập nhật danh mục thuốc trúng thầu được chính xác, kịp thời đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHYT trong khám bệnh, chữa bệnh (KBCB), BHXH tỉnh đề nghị Sở Y tế phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

1. Bổ sung danh mục thuốc trúng thầu được phân bổ đến từng CSYT ban hành kèm theo các Quyết định trúng thầu nêu trên (bản ký, đóng dấu).

2. Bổ sung dữ liệu thông tin danh mục thuốc trúng thầu tại Quyết định 1630/QĐ-SYT (theo Mẫu đính kèm định dạng Excel) và gửi về BHXH tỉnh theo địa chỉ thư điện tử: gdbhyt@kiengiang.vss.gov.vn.

BHXH tỉnh sẽ thực hiện cập nhật ngay danh mục thuốc trúng thầu trên Hệ thống thông tin giám định BHYT sau khi được Sở Y tế hỗ trợ bổ sung đầy đủ thông tin.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, xin liên hệ BHXH tỉnh (qua Phòng Giám định BHYT, số điện thoại: 02973.811182 hoặc ông Trần Vũ Anh - Phó Trưởng phòng Giám định BHYT, số điện thoại: 0949.677.882)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tỉnh ủy (để b/c);
- HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Giám đốc BHXH tỉnh (để b/c);
- BHXH huyện, thành phố (để t/hiện);
- Các cơ sở KCB BHYT (để t/hiện);
- Lưu: VT, GĐBHYT.



Nguyễn Công Chánh

Mẫu số 01: "Bảng 3. Chỉ tiêu thuốc"

(Kèm theo Quy trình giám định BHYT ban hành kèm theo Quyết định số: 3618/QĐ-BHXH ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải	Chi chú	Bắt buộc	Check trùng
1	STT	Số	6	Số thứ tự ghi từ 1 đến hết			
2	MA_THUOC	Chuỗi	255	- Ghi mã hoạt chất theo quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành - Chú phi bao bì cho thuốc thang: ghi BB-XXXXX, trong đó XXXXX là mã số KCB nơi đóng gói thuốc thang - Đối với thuốc do cơ sở KCB tự bào chế, pha chế: ghi mã thuốc gồm mã các hoạt chất/thành phần, cách nhau bằng dấu cộng "+". - Tên hoạt chất ghi theo kết quả trung đầu - Đối với các thuốc tự pha chế nhiều thành phần: ghi lần lượt từng tên hoạt chất, giữa các hoạt chất cách nhau bằng dấu cộng "+". - Đối với thuốc đông y, thuốc tự được liệu do cơ sở KCB tự bào chế: ghi tên các thành phần, cách nhau bằng dấu phẩy ","		X	X
3	TEN_HOAT_CHAT	Chuỗi	1024	- Tên thuốc ghi theo kết quả trung đầu - Đối với thuốc do cơ sở KCB tự bào chế, pha chế: ghi tên thuốc do cơ sở KCB đặt		X	
4	TEN_THUOC	Chuỗi	1024	- Tên thuốc ghi theo kết quả trung đầu - Đối với thuốc do cơ sở KCB tự bào chế, pha chế: ghi tên thuốc do cơ sở KCB đặt		X	X
5	DON_VI_TINH	Chuỗi	50	Đơn vị tính ghi theo kết quả trung đầu	Trường hợp thuốc được sử dụng theo đơn vị tính nhỏ nhất, bổ sung 01 dòng ghi đầy đủ các thông tin, trong đó DON_VI_TINH là đơn vị tính nhỏ nhất của thuốc, HAM_LUONG và DON_GIA ghi theo đơn vị tính nhỏ nhất, SO_LUONG ghi "0".	X	
6	HAM_LUONG	Chuỗi	1024	- Hàm lượng ghi theo kết quả trung đầu - Đối với thuốc do cơ sở KCB tự bào chế, pha chế: ghi hàm lượng của các hoạt chất/thành phần, cách nhau bằng dấu cộng "+".		Không bắt buộc với LOAI_THUOC=3	
7	DUONG_DUNG	Chuỗi	255	Đường dùng ghi theo kết quả trung đầu hoặc đường dùng của thuốc tự pha chế, bào chế		Không bắt buộc với LOAI_THUOC=3	
8	MA_DUONG_DUNG	Chuỗi	10	Mã đường dùng ghi theo quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành	- Ghi mã đường dùng tương ứng với đường dùng của thuốc theo thông tin được Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, được có truyền cấp giấy đăng ký lưu hành. - Trường hợp thuốc do cơ sở KCB tự bào chế, chế biến thì ghi mã đường dùng tương ứng với đường dùng của thuốc theo đúng hồ sơ được người đứng đầu cơ sở KCB phê duyệt. - Trường hợp thuốc có nhiều đường dùng thì ghi các đường dùng tin của thuốc tương ứng với mỗi đường dùng, trong đó lồng số lượng thuốc ghi tại dòng thứ nhất, các dòng còn lại để trống số lượng.	Không bắt buộc với LOAI_THUOC=3	X
9	DANG_BAO_CHE	Chuỗi	1024	Dạng bào chế ghi theo kết quả trung đầu hoặc theo thông tin của thuốc tự pha chế, bào chế		Không bắt buộc với LOAI_THUOC=3	
10	SO_DANG_KY	Chuỗi	255	- Số đăng ký hoặc số giấy phép lưu hành của thuốc, ghi theo kết quả trung đầu - Đối với thuốc tự bào chế, pha chế, chế biến: mã hóa theo chữ cái "TD" (lần được) hoặc "CP" (chiế phẩm), mã của cơ sở KCB, hai ký tự cuối của năm ban hành và số thứ tự của thuốc trong danh mục thuốc tự bào chế do thủ trưởng cơ sở KCB ban hành, cách nhau bằng dấu chấm "."		X	X
11	SO_LUONG	Số	10	Số lượng ghi theo kết quả trung đầu		X	
12	DON_GIA	Số	15	Đơn giá ghi theo kết quả trung đầu		X	X
13	DON_GIA_BH	Số	10	Đơn giá thanh toán BHYT		X	X
14	QUY_CACH	Chuỗi	500	Quy cách đóng gói, ghi theo kết quả trung đầu hoặc theo thông tin của thuốc tự pha chế, bào chế		X	X
15	NHA_SX	Chuỗi	1024	Nhà sản xuất ghi theo kết quả trung đầu			Không bắt buộc đối với LOAI_THUOC =5 hoặc 6
16	NUOC_SX	Chuỗi	100	Nước sản xuất ghi theo kết quả trung đầu			Không bắt buộc đối với LOAI_THUOC =5 hoặc 6
17	NHA_THAU	Chuỗi	1024	Tên nhà thầu ghi theo kết quả trung đầu			Không bắt buộc đối với LOAI_THUOC =5 hoặc 6

TT	Chi tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải	Ghi chú	Bắt buộc	Check trùng
18	TT_THAU	Chuỗi	50	<p>- Ghi thông tin thầu của thuốc gồm: Số quyết định, gói thầu, nhóm thầu, năm công bố quyết định trúng thầu, mã đơn vị bán hành quyết định (đơn vị bán hành quyết định trúng thầu là TTMSIT quốc gia ghi mã 00; trường hợp các tỉnh tp đấu thầu tập trung thì ghi mã tỉnh/tp; trường hợp cơ sở KCB đấu thầu thì ghi mã cơ sở KCB).</p> <p>- Trường hợp thuốc tự bào chế, pha chế: số quyết định trúng thầu ghi số văn bản gửi cơ quan BHXH, năm ban hành quyết định ghi năm ban hành văn bản</p>	<p>Ghi thông tin của thuốc theo thứ tự, gồm: Số quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; mã gói thầu; mã nhóm thầu (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 5937/QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế); năm ban hành quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Các thông tin này cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";"</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có hai nhà thầu cùng trúng thầu một thuốc thì bỏ sang mã gói thầu và số thứ tự nhà thầu trúng thầu của đơn vị đấu thầu, với định dạng Gi.YY, trong đó: "Y" là số thứ tự của nhà thầu trúng thầu trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng thầu, cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";" Ví dụ: Tại gói thầu số 2 (Quyết định trúng thầu số 57/QĐ-TTMS năm 2022), thuốc Utecton (số đăng ký: VN-20256-17, hoạt chất: Pantoprazol, hàm lượng: 40mg; dạng bào chế: bột đông khô pha tiêm, đóng gói: Tiêm hoặc truyền, nhóm 1; nhà sản xuất: Anafarm Hellas S.A; nước sản xuất: Greece (Hy Lạp); quy cách đóng gói: hộp 1 lọ) có 02 nhà thầu trúng thầu, nhà thầu trúng thầu thứ nhất là Công ty CP Dược vật lý y tế Quảng Trị, nhà thầu trúng thầu thứ 2 là Công ty Cổ phần dược phẩm Vipharco công trung thầu, thì mã hoa bổ sung thêm trong thông tin thầu sau năm ban hành, nhà thầu thứ nhất là: 57/QĐ-TTMS.G1.N1.2022.G2.01 và nhà thầu thứ 2 là 57/QĐ-TTMS.G1.N1.2022.G2.02 - Trường hợp áp thầu thì bỏ sang mã đơn vị bán hành quyết định. Trong đó: Trung tâm mua sắm tập trung (TTMSIT) quốc gia là mã "00"; trường hợp các tỉnh, thành phố đấu thầu tập trung thì lấy mã tỉnh, thành phố; trường hợp cơ sở KCB đấu thầu thì lấy mã cơ sở KCB), cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";" Ví dụ (1): Thuốc áp thầu theo Quyết định trúng thầu của TTMSIT quốc gia có thông tin thầu là số 46/QĐ-TTMS.G1.N1.2020 thì ghi thông tin thầu của thuốc là: 46/QĐ-TTMS.G1.N1.2020.00 Ví dụ (2): Thuốc áp thầu theo Quyết định trúng thầu của Sở Y tế thành phố Hải Phòng có thông tin thầu 120/QĐ-SYT.G2.N3.2021 thì ghi thông tin thầu của thuốc là: 120/QĐ-SYT.G2.N3.2021.31 Ví dụ (3): Thuốc áp thầu theo Quyết định trúng thầu của Bệnh viện Chợ Rẫy có thông tin thầu là 250/QĐ-BVCR.G1.N3.2021 thì ghi thông tin thầu của thuốc là: 250/QĐ-VCR.G1.N3.2021.79048 - Trường hợp thuốc tự bào chế, pha chế, chế biến thì ghi thông tin thầu như sau: Số quyết định:XXXX, trong đó số quyết định là số văn bản gửi cơ quan BHXH, XXXX là năm ban hành văn bản Ví dụ (4): Chế phẩm Cao tiếp khớp do BV YHCT trong vùng tự bào chế năm 2023. BV YHCT TW có văn bản số 456/BVYHCTTW-BH gửi BHXH TP Hà Nội thì mã hoa thông tin thầu của chế phẩm như sau: 456/BVYHCTTW-BH;2023 	X	X
19	TU_NGAY	Chuỗi	8	Ghi thời điểm có hiệu lực trên hợp lệ trên hợp đồng tăng, định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày). Ví dụ ngày 01 tháng 1 năm 2021 ghi là 20210101	- Các thuốc mua sắm theo kết quả đấu thầu tập trung, đàm phán giá hoặc cơ sở KCB tự tổ chức đấu thầu có kết quả trúng thầu kể từ ngày 01/4/2023: TU_NGAY ghi ngày có hiệu lực, DEN_NGAY ghi ngày hết hiệu lực của quyết định phê duyệt cung ứng.	Không bắt buộc đối với LOAI_THUOC =5 hoặc 6	
20	DEN_NGAY	Chuỗi	8	Ghi thời điểm hết hiệu lực trên hợp đồng cung ứng, định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày). Ví dụ ngày 31 tháng 12 năm 2023 ghi là 20231231	- Các thuốc do cơ sở KCB tự nhận mua sắm theo kết quả đấu thầu của đơn vị khác quy định tại Điều 52 Luật Đấu thầu: TU_NGAY ghi ngày bắt đầu mua sắm, DEN_NGAY ghi ngày hết hiệu lực của quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu.	Không bắt buộc đối với LOAI_THUOC =5 hoặc 6	
21	MA_CSKCB	Chuỗi	5	Ghi mã cơ sở KCB		X	X
22	LOAI_THUOC	Số	1	Mã hóa loại thuốc (1: tân dược; 2: chế phẩm; 3: vị thuốc, 4: phòng xạ; 5: tân dược tự bào chế; 6: chế phẩm tự bào chế)		X	X
23	LOAI_THAU	Số	1	Mã hóa loại thầu (1: thầu tập trung; 2: thầu riêng tại cơ sở KCB; 3: tự pha chế, bào chế, chế biến; 4: mua sắm theo kết quả trúng thầu đơn vị khác)		X	X
24	HT_THAU	Số	1	Mã hóa hình thức đấu thầu (1: đấu thầu rộng rãi; 2: đấu thầu hạn chế; 3: chỉ định thầu; 4: chào hành cạnh tranh; 5: mua sắm trực tiếp; 6: khác) - Đối với LOAI_THAU = 3 hoặc 4: HT_THAU để trống. - HT_THAU = 6 (khác) ghi trong trường hợp Mua sắm theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08.4.2019 về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại điều 26 Luật Đấu thầu - Thuốc mua sắm theo kết quả đàm phán giá ghi "7"	Không bắt buộc LOAI_THAU = 3 hoặc 4		

Nguyễn

IT	Chi tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải	Ghi chú	Bắt buộc	Check trùng
25	MA_DVKT	Chuỗi	500	Mã DVKT có số dạng thuốc phong xa, chất đánh dấu, thuốc vượt hàng. Ghi 07 ký tự đầu của mã DVKT tại Phụ lục 1 Quyết định số 7603/QĐ-BYT. Trường hợp thực hiện nhiều DVKT ghi các mã cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";"			
26	TCCL	Chuỗi	50	Ghi tiêu chuẩn chất lượng hoặc số công bố tiêu chuẩn chất lượng đối với được liệu theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư số 09/2022-TTBYT			
27	BO_PHAN_VT	Số	1	Mã hóa bộ phận sử dụng của vị thuốc, được liệu (1: rễ; 2: thân rễ; 3: quả; 4: hạt; 5: vỏ; 6: khác)		Bắt buộc đối với LOAI_THUOC = 3	
28	TEN_KHOA_HOC	Chuỗi	500	Tên khoa học ghi theo kết quả trung thầu đối với vị thuốc, được liệu		Bắt buộc đối với LOAI_THUOC = 3	
29	NGUON_GOC	Chuỗi	500	Nguồn gốc ghi theo kết quả trung thầu đối với vị thuốc, được liệu		Bắt buộc đối với LOAI_THUOC = 3	
30	PP_CHEBIEN	Chuỗi	1000	Ghi mã phương pháp chế biến vị thuốc có truyền theo Bộ mã DMDC do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (Phương pháp chế biến vị thuốc có truyền theo quy định tại Thông tư số 30/2017/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế). Ghi chi: Trường hợp vị thuốc có truyền có nhiều phương pháp chế biến thì ghi đầy đủ các mã phương pháp chế biến, giữa các mã cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";"			
31	MA_DL_NHAP	Chuỗi	3	Mã hóa tình trạng được liệu khi mua sắm (C0: chưa sơ chế; S1: sơ chế dạng Ngâm, ủ, rửa, phơi, sấy; S2: sơ chế dạng Thái phiến; P1: phức chế dạng Sao vàng; P2: phức chế dạng Sao đen; P3: phức chế dạng Chích rượu, giảm, muối gừng, cam thảo, mật ong...; K0: phương pháp khác)		Bắt buộc khi PP_CHEBIEN có thông tin	
32	MA_DL_CB	Chuỗi	3	Mã hóa tình trạng được liệu được cơ sở KCB trực tiếp chế biến (S1: sơ chế dạng Ngâm, ủ, rửa, phơi, sấy; S2: sơ chế dạng Thái phiến; P1: phức chế dạng Sao vàng; P2: phức chế dạng Sao đen; P3: phức chế dạng Chích rượu, giảm, muối gừng, cam thảo, mật ong...; K0: phương pháp khác); trường hợp cơ sở KCB không chế biến vị thuốc: bỏ trống		Bắt buộc khi PP_CHEBIEN có thông tin	
33	TLHH_CB	Số	4	- Tỷ lệ hao hụt trong chế biến đối với vị thuốc, được liệu - Biểu thị bằng số nguyên dương Ví dụ: Tỷ lệ hao hụt trong chế biến của thuốc là 5% thì ghi là 5.		Bắt buộc khi PP_CHEBIEN có thông tin	
34	TLHH_BQ	Số	4	- Tỷ lệ hao hụt do bảo quản, cần chia đối với vị thuốc, được liệu - Biểu thị bằng số nguyên dương Ví dụ: Tỷ lệ hao hụt trong do bảo quản, cần chia của thuốc là 5% thì ghi là 5.		Bắt buộc khi PP_CHEBIEN có thông tin	

Konfaw

ĐƠN MẪU



Trần Văn Hùng

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 10421/BHXH-GABHYT ngày: 02 tháng: 7 năm 2024

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì; K.Đ.ƯỠI
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến phân phối, giải quyết



2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng, năm cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, tháng, năm đề xuất ý kiến